SẢN PHẨM MỚI

ARGOX
a SATO company

CP-EX series

Máy in để bàn tính năng cơ bản với Giá trị tốt nhất

intelli & smart mode inside

Sản phẩm tiết kiệm Bán Chạy Nhất!

Trước

Máy in thế hệ cũ phải áp dụng các quy trình cài đặt tiêu tốn thời gian, chi phí và gây nhàm chán.

Sau

Máy in để bàn thế hệ mới với công nghệ thông minh giúp tiết kiệm thời gian và chi phí.

Ứng dụng

Logistics

Kho hàng

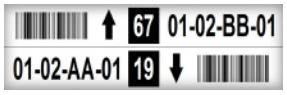

Sản xuất

Dịch vụ

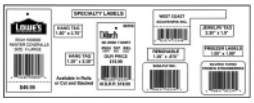

Sản phẩm với nhiều tính năng giúp công việc hàng ngày trở nên dễ dàng và đơn giản

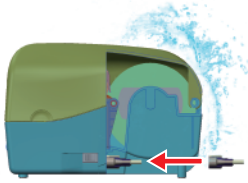

Thiết Kế Chống Chịu Tác Động

Vỏ ngoài của sản phẩm có khả năng chống chịu được các tác động từ nước đổ tràn, có thể đặt sát tường để không chiếm diện tích.

Thiết Kế Chống Chịu Tác Động

Khay lớn giúp việc nạp liệu và thay băng mực rất dễ dàng.

Độ bền cao

Kế thừa kết cấu dạng mai rùa tích hợp giúp sản phẩm dòng CP-EX luôn rất chắc chắn và có độ bền cao.

Hiệu suất được tăng cường

Tốc độ in nhanh hơn 20% so với dòng CP cũ, SDRAM và Flash ROM được mở rộng giúp sản phẩm lưu được nhiều phông chữ, biểu mẫu và đồ họa hơn.

ARGOX
a SATO company

intelli & smart mode inside

Sản phẩm tiết kiệm Bán Chạy Nhất!

Đặc điểm kỹ thuật	CP-2140EX	CP-3140EX
Phương Pháp In	Truyền Nhiệt & Truyền Nhiệt Trực Tiếp	
Độ Phân Giải Khi In	203 dpi (8 dots/mm)	300 dpi (12 dots/mm)
Tốc Độ In	Max. 6 ips	Max. 4 ips
Chiều Dài Khổ In	Max. 100"(2540 mm)	Max. 50"(1270 mm)
Chiều Rộng Khổ In	Max. 4.25"(108 mm)	Max. 4.16"(105.7 mm)
Bộ Nhớ	32 MB SDRAM, 16MB Flash ROM	
Loại CPU	bộ vi xử lý 32 bit RISC	
Đặc Điểm Kỹ Thuật Các Bộ Phận Hao Mòn		
Cảm biến	Cảm biến phản xạ x 1 (có thể di chuyển) & Cảm biến truyền tín hiệu x 1 (Cố định ở vị trí trung tâm)	
Loại Giấy	Sử dụng ống cuộn nạp liệu liên tục, có thể ghi dấu, gắn thẻ màu đen trên nền giấy nhiệt hoặc giấy thường	
Khổ giấy	Chiều rộng tối đa: 4,65" (118mm). Chiều rộng tối thiểu: 0,8" (20mm). Độ dày: 0,0024"~0,008" (0,06mm~0,2mm) 5"(127mm) OD trên lõi ID 1" (25,4mm) 4,5"(114,3mm) OD trên lõi ID 0,5" (12,7mm) 4,7"(120mm) OD trên lõi ID 1,5" (38,1mm)	
Băng mực	Chiều rộng băng mực: 1"~4,33"(25,4mm~110mm), Chiều dài băng mực: Max. 300m. Kích thước lõi ID 1"(25,4mm), Tùy chọn 0,5"(12,7mm), Chiều rộng lõi: 2,6"(67mm) Sáp, Sáp/Nhựa Thông, Nhựa Thông (Băng mực dạng cuộn đẩy ra hoặc đẩy vào: tự động nhận biết)	
Phông chữ & Biểu tượng		
Phông chữ	Các ký tự theo tiêu chuẩn 5 phông chữ-số từ 0,049"H ~ 0,23" H (1,25mm ~ 6,0mm) Các phông chữ tích hợp sẵn có thể phóng to 24x24, xoay 4 hướng, góc xoay 0 ~ 270 độ Có thể tải thêm các phông chữ khác Có thể dễ dàng in mọi phông chữ Windows True Type Hỗ trợ các phông chữ có thể điều chỉnh	
Các mã vạch 1D	PPLA: Code 39, UPC-A, UPC-E, Code 128 subset A/B/C, EAN-13, EAN-8, HBIC, Codabar, Plessey, UPC2, UPC5, Code 93, Postnet, UCC/EAN-128, UCC/EAN-128 K-MART, UCC/EAN-128 Random weight, Telepen, FIM, Interleaved 2 of 5 (Standard/with modulo 10 checksum / with human readable check digit/ with modulo 10 checksum & shipping bearer bars), and GS1 Data bar (RSS) PPLB: Code 39, UPC-A, UPC-E, Matrix 2 of 5, UPC-Interleaved 2 of 5, Code 39 with check sum digit, Code 93, EAN-13, EAN-8 (Standard, 2 /5digit add-on), Codabar, Postnet, Code128 subset A/B/C, Code 128 UCC (shipping container code) , Code 128 auto, UCC/EAN code 128 (GS1-128), Interleave 2 of 5, Interleaved 2 of 5 with check sum, Interleaved 2 of 5 with human readable check digit, German Postcode, Matrix 2 of 5, UPC Interleaved 2 of 5, EAN-13 2/5 digit add-on, UPCA 2/5 digit add-on, UPCE 2/5 digit add-on, and GS1 Data bar (RSS) PPLZ: Code39, UPC-A, UPC-E, Postnet, Code128 subset A/B/C, Interleave 2 of 5, Interleaved 2 of 5 with check sum, Interleaved 2 of 5 with human readable check digit, Code 93, Code 39 with check sum digit, MSI, EAN-8, Codabar, Code 11, EAN-13, Plessey, GS1 Data bar (RSS), Industrial 2 of 5, Standard 2 of 5, and Logmars	
Các mã vạch 2D	PPLA: MaxiCode, PDF417, Data Matrix (ECC 200 only), QR code, and Composite Codes PPLB: MaxiCode, PDF417, Data Matrix (ECC 200 only), QR code, and Composite Codes PPLZ: QR code, PDF417, Data Matrix (ECC 200 only), and MaxiCode Composite Codes	
Đồ họa	PPLA: PCX, BMP, IMG, HEX and GDI format files PPLB: PCX, BMP, Binary Raster, and GDI PPLZ: GRF, Hex and GDI	
Emulation	PPLA, PPLB, PPLZ	
Đặc Điểm Giao Diện và Tích Hợp		
Giao Diện Hoạt Động	Các Chỉ Báo LED x 2, Nút (Nạp Liệu) x 1	
Giao Diện Kết Nối	Ethernet, USB device, RS-232, USB host	
Tiện Ích Phần Mềm	Windows Driver for Windows Vista/Win7/Win8/Win10, LINUX Driver, macOS Driver, Raspberry Pi Driver	
Software	BarTender, Printer Tool	
Kết Nối Cơ Sở Dữ Liệu	Kết nối cơ sở dữ liệu ODBC có hỗ trợ Argobar Pro: Excel, CSV, MS Access, MS SQL, Oracle MySQL, dBASE (*.dbf)	
Vận Hành & Môi Trường Hoạt Động		
Nguồn Điện	Nguồn Điện Chung Điện áp đầu vào AC: 100~240V, 50~60Hz. Đầu Ra DC: 24V, 2,4A	
Môi Trường Hoạt Động	Nhiệt Độ Hoạt Động 40°F~100°F (4°C~38°C), 10% ~ 90% không ngưng đọng hơi nước, Nhiệt Độ Bảo Quản: -4°F~122°F (-20°C~50°C)	
Danh Mục Hãng	CE, FCC, cULus, CCC, RoHS, BIS, BSMI, KC	
Đặc Điểm Vật Lý		
Kích Thước Máy In	Rộng 226mm x Cao 188mm x Sâu 276mm	
Trọng Lượng Máy In	4.6 lbs (2.1 kg)	

*Argox có quyền nâng cấp và thay đổi các đặc điểm kỹ thuật của sản phẩm mà không cần thông báo trước.
Vui lòng liên hệ với đại diện bán hàng của Argox để được cập nhật thông tin mới nhất về sản phẩm.

ACRC
ARGOX Certified Repair Centers
Vui lòng trao đổi với các đối tác bán hàng của Argox để biết được thông tin liên hệ chi tiết.

Các Hạng Mục Tùy Chọn

Dao Xén Giấy

Dao Cắt Xoay

Máy Tiện Giấy

Phụ Kiện Lắp Ngoài

Argox Information Co., Ltd.
8F., No. 28, Baogao Rd., Xindian Dist., New Taipei City 231029, Taiwan (R.O.C.)
Tel: +886-2-8912-1121 Fax: +886-2-8912-1124 https://www.argox.com https://www.youtube.com/user/argoxmkt email:service@argox.com
Copyright © 2022. Argox Information Co., Ltd. Đã Đăng Ký Bản Quyền.

v2.1